

# TRAO ĐỔI Ý KIẾN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI

BÙI THẾ CƯỜNG

## 1. Sự hình thành công tác xã hội và khung cảnh hoạt động hiện nay

Một cách hiểu đơn giản xem công tác xã hội và hoạt động xã hội mà mục tiêu cũng như nội dung căn bản của nó là giúp đỡ những con người trong hoàn cảnh cần được giúp đỡ. Hiểu như vậy thì có thể nói công tác xã hội đã tồn tại từ khi có loài người, vì trong mọi xã hội và suốt thời đại, con người đều cần được giúp đỡ cũng như cần giúp đỡ người khác vượt qua những hoàn cảnh khó khăn mắc phải. Song cần nói thêm, một sự giúp đỡ con người trong hoàn cảnh của nó chỉ có thể được xem là công tác xã hội khi sự giúp đỡ này được đặt vào một bối cảnh mang tính xã hội, không phải riêng tư.

Lịch sử công tác xã hội hiện đại được xem như bắt đầu cùng với cuộc cách mạng công nghiệp tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu thế kỷ trước trong khung cảnh văn hóa Thiên chúa giáo. Ngày nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu cặn kẽ cả về mặt lý luận và lẫn lịch sử về quá trình xã hội đầy kịch tính đó, song với những thế hệ đương thời, có lẽ nó thật là khó hiểu và đầy tính bí ẩn. Từ sự hỗn độn của việc sinh thành một thế giới mới, đã sản sinh không biết bao nhiêu điều mới lạ chưa từng thấy; những sản phẩm hàng hóa cực kỳ mới, những tư tưởng, khái niệm, những nét văn hóa mới, những lối sống và cấu trúc xã hội mới. Tóm lại vô số những sản phẩm vật chất, xã hội và tinh thần mới.

Cuộc cách mạng công nghiệp này không chỉ đem lại những tiến bộ kinh tế và xã hội nó còn gây ra vô vàn những vấn đề xã hội làm chấn động đến tận nền móng các xã hội Tây Âu thời đó. Vấn đề xã hội cơ bản bao trùm nhất là câu hỏi về sự tồn tại xã hội của giai cấp vô sản làm thuê công nghiệp. Là một trong hai nhân vật xã hội chủ yếu đã tạo nên sức mạnh của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa sang giai cấp vô sản công nghiệp lại bị đẩy vào một hoàn cảnh lao động và hoàn cảnh sống vô cùng khốn đến mức đe dọa ngay cả sự tồn tại của chính xã hội đã sản sinh ra họ.

Từ thực tế xã hội ấy, nhiều người trong giới trí thức Tây Âu trăn trở tìm lời giải đáp cho vấn đề, sự trăn trở này dẫn đến việc hội tụ hai con người: con người nghiên cứu xã hội và con người biến đổi xã hội (cải cách và/hay cách mạng xã hội). Sự hội tụ đó thể hiện trong ba khuynh hướng tìm tòi quan trọng mang tầm vóc lịch sử, một số học giả xây dựng môn xã hội học để tìm hiểu một cách thực chứng những căn nguyên chi phối sự vận động của xã hội, từ đó tìm ra cách chữa trị các căn bệnh xã hội. Những người khác thì phát triển các nghiên cứu chính sách xã hội để tác động vào nền chính trị nhà nước, nhờ đó có thể giải quyết các vấn đề xã hội của thời đại. Khuynh hướng thứ ba hướng đến hoạt động thực tế ở cơ sở: họ đi vào thế giới những người lao động và nghèo khổ để tìm hiểu và trực tiếp giúp đỡ từng cá nhân, gia

đình, khu xóm, nhằm cải thiện hoàn cảnh sống và thân phận của những con người cụ thể. Đó chính là tiền thân của công tác xã hội sau này.

Ngày nay, ở các quốc gia hiện đại, phúc lợi (hay an sinh) xã hội trở thành một hệ thống phức tạp bao hàm nhiều tổ chức và thiết chế, trong đó từ các chiều cạnh khác nhau, công tác xã hội hiện diện như một nội dung hoạt động chủ yếu của một tổ chức, hay như một phương pháp đặc thù, như một nghề nghiệp chuyên môn, như một loại cán bộ riêng biệt thực hiện những chức năng và nhiệm vụ không thể thay đổi.

Trong một nước, công tác xã hội trở thành thành một mạng lưới trải dài từ cấp quốc gia đến cộng đồng, từ nhiều bộ như y tế, nội vụ, lao động và xã hội, nhiều cơ cấu chính phủ chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến phụ nữ, thanh niên, trẻ em, người già, các thành viên xã hội chịu thiệt thòi hoặc yếu kém; đến các tổ chức quần chúng hoặc các tổ chức phi chính phủ, ở cấp độ khu vực và toàn cầu. Ngày nay đã phát triển rộng rãi và mạnh mẽ các hoạt động và tổ chức nhằm phối hợp và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công tác xã hội. Người làm công tác xã hội nay (chuyên nghiệp cũng như tình nguyện) là thành viên của một cộng đồng to lớn và hữu ích: cộng đồng những người đang hoạt động vì phúc lợi và hạnh phúc của con người.

Có nhiều cách hiểu khác nhau về công tác xã hội qua từng thời kỳ cũng như tùy thuộc mỗi tác giả. Có thể nêu lên một định nghĩa đơn giản để suy nghĩ và trao đổi.

Công tác xã hội là một dạng hoạt động xã hội thực tiễn mang tính tổng hợp cao, được thực hiện theo nguyên tắc và phương pháp nhất định, nhằm giúp đỡ các cá nhân và nhóm người trong giải quyết các vấn đề đời sống của bản thân họ, qua đó công tác xã hội theo đuổi mục tiêu vì phúc lợi và hạnh phúc con người và tiến bộ xã hội.

Có bảy yếu tố cần chú ý trong định nghĩa nói trên.

*Thứ nhất*, công tác xã hội là một dạng hoạt động xã hội. Như trên đã đề cập, sự giúp đỡ lẫn nhau giữa con người là một phần tất yếu của cuộc sống. Nhưng sự giúp đỡ này chỉ trở thành công tác xã hội khi nó mang tính chất xã hội. Nhưng giúp đỡ riêng tư, mặc dù về nhiều phương diện giống như công tác xã hội, không thể xem là công tác xã hội.

*Thứ hai*, công tác xã hội mang tính thực tiễn và cụ thể. Nó làm việc (tác động) trực tiếp với con người, gia đình, các nhóm xã hội và cộng đồng. Nó không phải là hoạt động thuần túy nghiên cứu, quản lý hay chính sách, mặc dù tất cả những khía cạnh này đều hàm chứa và được vận dụng trong công tác xã hội. Nội dung căn bản của công tác xã hội là sự tương tác trực tiếp giữa cán bộ công tác xã hội với con người và nhóm, nhằm thay đổi bản thân họ cũng như làm biến đổi hoàn cảnh vi mô của họ.

*Thứ ba*, đó là một dạng hoạt động thực tiễn mang tính tổng hợp cao, hoặc mang tính phức tạp. Điều này đặc biệt cần nhấn mạnh ở các nước đang phát triển như Việt Nam. Người làm công tác xã hội phải làm việc với rất nhiều loại người, từ người dân bình thường, các cá nhân chịu thiệt thòi hay “có vấn đề” trong xã hội, đến những người có quyền lực và trách nhiệm cao. Họ còn phải làm việc với đủ các loại tổ chức và thiết chế.

*Thứ tư*, công tác xã hội phân biệt với những hoạt động khác, mà nội dung và mục đích có phần tương tự, bởi những nguyên tắc và phương pháp đặc thù.

*Thứ năm*, công tác xã hội cùng làm việc trực tiếp với cá nhân và nhóm người, nhưng không làm thay mà chỉ giúp họ tự giải quyết các vấn đề của mình.

*Thứ sáu*, công tác xã hội không có tham vọng giải quyết trực tiếp mọi vấn đề của con người và xã hội. Nó chỉ nhằm trực tiếp vào những vấn đề của đời sống hàng ngày của con người và nhóm, mà người ta xếp chúng vào một khái niệm chung, đó là phúc lợi (hay an sinh) xã hội.

*Thứ bảy*, qua việc giúp đỡ con người giải quyết những vấn đề đời sống cụ thể của họ, công tác xã hội thực hiện mục tiêu chung của mình là phúc lợi và hạnh phúc cho mọi người, ổn định và phát triển bền vững cho cộng đồng và xã hội.

Sự phân tích ở trên về các khía cạnh của công tác xã hội cho thấy đây là một công việc thật nhiều khó khăn và thách thức, đòi hỏi người làm công tác xã hội phải có những phẩm chất nhất định. Có thể nêu lên bốn yêu cầu chính liên quan đến phẩm chất cán bộ làm công tác xã hội:

- Ham muốn và biết làm việc một cách cụ thể và thiết thực với mọi người ở các tầng lớp và môi trường khác nhau.
- Hiểu biết tốt về khung cảnh xã hội và văn hóa trong đó diễn ra tác động qua lại của công tác xã hội.
- Nắm vững và thực hiện sáng tạo các nguyên tắc, phương pháp và kỹ năng công tác xã hội.
- Khả năng thiết kế, tiến hành và tổng kết một chương trình, kế hoạch công tác xã hội.

## **II. Những nguyên tắc và các chức năng của công tác xã hội.**

Giống như mọi hoạt động khác, công tác xã hội được nhìn nhận và tiến hành dưới ảnh hưởng của những dẫn dắt nhất định, mà chúng ta xem là các nguyên tắc hoạt động. Có thể xem công tác xã hội có bốn nguyên tắc (hay hệ nguyên tắc) cơ bản:

*Nguyên tắc thứ nhất* thể hiện mục tiêu của công tác xã hội: đó là hoạt động vì phúc lợi và hạnh phúc của con người và xã hội.

*Nguyên tắc thứ hai* liên quan đến bản chất của mối quan hệ giữa người làm công tác xã hội với đối tượng cần giúp đỡ, mà gói lại đó là nguyên lý bảo đảm mối quan hệ qua lại bình đẳng, công bằng và cân bằng giữa hai bên. Từ nguyên lý này chúng ta có thể cụ thể hóa thành nhiều nguyên tắc như: tôn trọng đối tượng, chấp nhận trạng thái hiện có của đối tượng, thấu cảm, bảo đảm quyền tự quyết.... Nguyên lý này cũng giúp phân biệt giữa công tác xã hội với hoạt động từ thiện.

*Nguyên tắc thứ ba* liên quan đến nền tảng triết học của công tác xã hội, tạo nên giá trị tinh thần và niềm tin của hoạt động này. Một cách ngắn gọn, trong công tác xã hội người ta tin tưởng rằng:

- Con người là giá trị tối cao, là mối quan tâm hàng đầu của xã hội.
- Giữa cá nhân và xã hội là mối liên hệ hỗ trợ, có quyền hạn và do đó có trách nhiệm lẫn nhau. Những vấn nạn của cá nhân là của xã hội và ngược lại, đồng thời chúng phải được giải quyết cùng theo hai cách thức, cách thức chung mang tính toàn xã hội và cách thức riêng mang đặc trưng của mỗi cá nhân, nhóm hay cộng đồng.
- Cá nhân cũng nhưng xã hội đều có khả năng tự biến đổi và phát triển, nhưng chỉ có thể thực hiện điều đó thông qua sự hỗ trợ lẫn nhau để cùng phát triển, người làm công tác xã hội là chiếc “cầu nối”, chất xúc tác trong mối liên hệ này, trong quá trình phát cùng phát triển này.

*Nguyên tắc thứ tư* là công tác xã hội với những phương pháp của nó phải chấp nhận và thích hợp với các nền văn hóa và khung cảnh xã hội đặc thù địa phương, đồng thời phải góp phần phát triển chúng.

Căn cứ trên bốn nguyên tắc đó, có thể nêu lên bốn chức năng cơ bản:

- Điều trị, sửa chữa, giải quyết các vấn đề cụ thể đã nảy sinh (có tài liệu gọi chức năng này là trị liệu).
- Phục hồi: đưa người được giúp trở về cuộc sống bình thường, hội nhập xã hội. Có tài liệu xếp chức năng này vào cùng chức năng trên.
- Phòng ngừa: thực hiện các hoạt động nhằm ngăn ngừa việc nảy sinh các vấn đề hoặc giảm nhẹ kích thích và hậu quả vấn đề.

- **Biến đổi/phát triển:** thay cho việc giải quyết vấn đề, công tác xã hội thực hiện các chương trình và hoạt động nhằm biến đổi và phát triển môi trường cũng như nâng cao nguồn lực con người.

Một số tài liệu cho rằng công tác xã hội trong lịch sử đã phát triển dần dần từ chức năng này sang chức năng kia, theo thứ tự nêu trên. Điều này không hẳn đúng. Các tài liệu lịch sử cho thấy rằng từ buổi khởi đầu của công tác xã hội, người ta đã có thể quan sát thấy sự hoạt động ở những mức độ khác nhau của mọi chức năng đã nêu. Tuy nhiên, thứ tự trên quả có phản ánh một logic phát triển của công tác xã hội. Với thời gian, các chức năng sau này càng được nhấn mạnh, trong khi các chức năng trước vẫn không hề mất đi tầm quan trọng của mình. Sự phát triển các hệ NGO (tổ chức phi chính phủ) cũng phản ánh logic phát triển các chức năng kể trên của công tác xã hội.

### **III. Các phương pháp công tác xã hội**

Có thể nêu lên bốn nhóm phương pháp:

*Công tác xã hội với cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng:*

Nhóm phương pháp này thể hiện sự khác biệt về đối tượng tác động, dẫn đến sự khác biệt về phương pháp và kỹ năng.

Mục tiêu của công tác xã hội là giúp đỡ con người giải quyết các vấn đề của mình, do đó trước hết nó phải coi tác động đến cá nhân như là một phương pháp làm việc. Cốt lõi của phương pháp này là thiết lập mối quan hệ tốt với cá nhân, giúp cho cá nhân ấy hiểu rõ về mình, nhìn nhận lại những người xung quanh gần gũi, có khả năng vận dụng các nguồn lực xã hội và bản thân để thay đổi. Như vậy, trong công tác xã hội với cá nhân, đối tượng tác động là bản thân người cần được giúp đỡ, công cụ tác động là mối quan hệ giữa cán bộ công tác xã hội và đối tượng.

Trong công tác xã hội nhóm, đối tượng tác động là toàn bộ nhóm, thông qua tương tác nhóm mà làm thay đổi suy nghĩ và hành động của từng thành viên cũng như cả nhóm. Gia đình có thể được xem như một nhóm, song do tính chất đặc thù của nó, mà trong một số tài liệu người ta xếp riêng thành một phương pháp của công tác xã hội.

Cá nhân không chỉ tập hợp trong các nhóm (đặc biệt các nhóm, đối tượng chính yếu của công tác xã hội nhóm), mà còn được tập hợp trong các cộng đồng, ở đó bao hàm các tổ chức và thiết chế khác nhau, vận hành và theo đuổi những mục tiêu chung cũng như riêng biệt trên một khu vực cư trú nhất định. Cộng đồng là môi trường xã hội trực tiếp hàng ngày của cá nhân và nhóm, do đó trong logic phát triển của mình, công tác xã hội phải đi đến một phương pháp tác động riêng biệt liên quan đến cấp độ cộng đồng.

*Phỏng vấn/thảo luận/tư vấn:*

Nhóm phương pháp này thể hiện các kỹ thuật liên quan đến tác động qua lại giữa người làm công tác xã hội và đối tượng nhằm tìm hiểu đối tượng cũng như làm cho đối tượng tự hiểu mình, phát hiện và nhận diện vấn đề, phát triển các ý tưởng, tìm kiếm các khả năng và con đường giải quyết vấn đề, làm thay đổi kiến thức, thái độ và hành vi của đối tượng hay những người có liên quan.

#### *Vận dụng các nguồn lực công tác xã hội*

Các vấn đề của con người gặp phải mà công tác xã hội có nguyện vọng giúp họ giải quyết, thực ra bao giờ cũng đầy khó khăn, thường là vượt khỏi khả năng của đối tượng cũng như của cả người làm công tác xã hội. Do đó, điều quan trọng là người cán bộ công tác xã hội phải phát hiện và vận dụng các tài nguyên trong xã hội nhằm cùng đối tượng khắc phục vấn đề.

Các nguồn lực (hay tài nguyên) xã hội trong công tác xã hội là một khái niệm rất rộng và cần được hiểu một cách cụ thể trong bối cảnh văn hóa xã hội của mỗi nước và địa phương. Nó có thể là tài chính, là các tổ chức và thiết chế, là các chế độ chính sách xã hội, các chương trình phát triển, các phong tục tập quán, các quan hệ xã hội,.....

#### *Thiết kế và thực hiện một công tác xã hội:*

Một công tác xã hội nào đó là một chuỗi các hoạt động nối tiếp nhau theo một trình tự nhất định để đạt được một mục tiêu đã đặt ra. Nó cần được thể hiện dưới dạng một kế hoạch, dự án hay chương trình. Do đó, mỗi người cán bộ công tác xã hội dù làm việc ở cấp độ nào đều cần nắm được phương pháp thiết kế và thực hiện một kế hoạch, dự án hay chương trình công tác xã hội.

Một kế hoạch/dự án/chương trình công tác xã hội thường phải bao gồm các bước sau đây:

- Phát hiện và nhận diện vấn đề/ nhu cầu;
- Phát triển các ý tưởng và mục tiêu công tác xã hội;
- Xác định kế hoạch, phương pháp và kỹ thuật cần sử dụng;
- Tìm kiếm các nguồn lực xã hội;
- Thực hiện/ quản lý công việc (bao gồm cả điều chỉnh);
- Lượng giá – tiếp tục một chu trình mới mở rộng và phát triển.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

\* Đầu năm 1993, Tạp chí Xã hội học đã xuất bản số chuyên đề về công tác xã hội (số 1/1993). Những bài sau đây có thể được tham khảo:

- Bùi Thế Cường: Về công tác xã hội, trang 10 – 13
- Nguyễn Thị Oanh: Giải quyết các vấn đề xã hội cần phương pháp tiếp cận đúng trường hợp trẻ em đường phố, trang 81 – 85.
- Văn Thanh: *NGO trong thập kỷ 90: Những dự báo đối với Việt Nam*, trang 61 – 70
- J.Andersen: *Vai trò và tính chất các tổ chức phi chính phủ trong tiến trình phát triển*, trang 70 – 75.
- J.Rdeedy: *Kinh nghiệp của các tổ chức phi chính phủ quốc tế tại Việt Nam*, trang 75 – 78.
- T.W.Bond: *Trẻ đường phố tại thành phố Hồ Chí Minh, Terre des Honnomes (Thụy Sĩ), thành phố Hồ Chí Minh, 1992* (Bạn cũng có thể tham khảo bản tóm tắt công trình này trong số chuyên đề Tạp chí Xã hội học nói trên, trang 44 – 52).
- Vân Anh và nhóm nghiên cứu Viện Xã hội học: Báo cáo điều tra về tình trạng trẻ em lang thang tại địa bàn Hà Nội, Tư liệu Viện Xã hội học, 1993.
- Nguyễn Thị Oanh: *Giáo dục chủ động*. Trung tâm thông tin và Giáo dục sức khỏe Thành phố Hồ Chí Minh, 1990
- Nguyễn Thị Oanh: *Phát triển cộng đồng*, thành phố Hồ Chí Minh 1995
- Nguyễn Văn Thanh (chủ biên): *Tổ chức và hoạt động phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam*, Hà Nội 1995.